TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/ 2018/ HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Dương Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Sái Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/ 2018/ TLST-HS, ngày 19 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên **ĐÀO VĂN D**, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Xóm P, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Xuân K và bà: Dương Thị B (đều đã chết); Vợ: Đào Thị S, sinh năm 1973 và có 04 con sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; Gia đình bị cáo có 09 anh em, bị cáo là con thứ 04.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

Bị hại: Anh Bùi Thế T, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1968.

Nơi cư trú: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Anh Ngô Văn L, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Xóm C, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

4. Anh Kiều Xuân L, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

6. Anh Ngô Bá Q, sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Vũ Đình T, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/6/2018, chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1972, trú tại: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, đang điều khiển chiếc xe mô tô BKS 20G1-003.34 đi đến khu vực xóm Q, xã T, huyện P, thì gặp anh Bùi Thế G, sinh năm 1984, trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (G là bạn của Bùi Thế T, sinh năm 1985 trú tại, xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), phát hiện thấy chị O đi chiếc xe mô tô của T bị mất trước đó nên đã giữ lại gọi báo Công an xã Thanh Ninh đến lập biên bản sự việc, tạm giữ chiếc xe mô tô trên rồi chuyển đến Công an huyện Phú Bình để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi sự việc xảy ra anh Bùi Thế G đã thông báo cho anh Bùi Thế T biết về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc, BKS: 20G1-003.34 đã tìm thấy. Ngày 9/6/2018 anh Bùi Thế T đã có đơn trình báo đến Công an huyện Phú Bình đề nghị điều tra xử lý vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã tiến hành xác minh và triệu tập Đào Văn D, sinh năm 1966 trú tại, Xóm P, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, đến trụ sở Công an để làm việc.

Tại cơ quan điều tra D khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2017, D đi xe đạp từ nhà theo tỉnh lộ 261C từ xã D đến xã K, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Khi đi qua khu vực xóm N, xã T, huyện P, thì D phát hiện thấy bên trong xưởng mua bán vật liệu xây dựng T, do anh Vũ Đình T, sinh năm: 1979, làm chủ có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc, BKS: 20G1-003.34 sau xác định được tài sản là của anh Bùi Thế T, sinh năm: 1985, trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang dựng ở đó (hiện anh T đang làm thuê cho cửa hàng T và đi chở vật liệu nên không có ở xưởng). Quan sát không thấy có ai trông giữ, D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền. D để lại xe đạp cách cửa hàng T khoảng 20m rồi đi bộ quay lại chỗ chiếc xe mô tô đang dựng, thì thấy chìa khóa điện vẫn đang cắm ở ổ khóa của xe. D liền đi đến dùng tay dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài sau đó ngồi lên xe bật chìa khóa điện, nổ máy đi đến nhà anh Ngô Bá Q, sinh năm: 1974 trú tại: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để nhờ Q bán hộ. Khi đến D nói với Q đây là xe của nhà và nhờ Q bán hộ, nghe D nói vậy Q đã mang chiếc xe mô tô trên đi bán cho anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1975 trú tại: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên được 8.000.000đồng (Q đã nhận tiền nhưng chưa đưa lại tiền cho D). Sau khi mua xe của Q, anh T đã bán lại chiếc xe trên cho anh Kiều Xuân L, sinh năm 1978 trú tại: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với giá 9.000.000 đồng. Sau đó anh L lại bán chiếc xe mô tô trên cho anh Ngô Văn L, sinh năm 1984 trú tại: Xóm C, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang với giá 9.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2017, anh L lại bán cho chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1972, trú tại: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với giá 10.300.000 đồng.

Ngày 13/6/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình ra Yêu cầu định giá tài sản số 66, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên tiến hành định giá tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc BKS: 20G1-003.34. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 230/KLĐG, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Phú Bình, kết luận chiếc xe mô tô BKS: 20G1-003.34 có giá trị 9.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 126/ CT-VKS-PB ngày 19/9/ 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đào Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Văn D vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra và khẳng Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2017, D đi xe đạp từ nhà theo tỉnh lộ 261C từ xã D đến xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Khi đi qua khu vực xóm N, xã T, huyện P, thì D phát hiện thấy bên trong xưởng mua bán vật liệu xây dựng T, do anh Vũ Đình T, sinh năm: 1979, làm chủ có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc, BKS: 20G1-003.34 sau xác định được tài sản là của anh Bùi Thế T, sinh năm: 1985, trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và nhờ Ngô Bá Q bán hộ được 8.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Đào Văn D từ 09 đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc BKS: 20G1-003.34 do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp mà có, đã được thu hồi trả lại cho anh Bùi Thế T là người bị hại quản lý sử dụng. Tại phiên toà sơ thẩm người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 8.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Q, L và T tự giác giao nộp tại Cơ quan điều tra nhằm trả lại cho chị O. Tại phiên toà sơ thẩm, chị O có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị khoản tiền 8.300.000 đồng để khắc phục thiệt hại đã mua xe vì không biết là tài sản do phạm tội mà có, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước

Thông báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 14 giờ ngày 28/12/2017, tại xưởng mua bán với vật liệu xây dựng T, thuộc xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên do anh Vũ Đình T làm chủ. Lợi dụng sơ hở lúc anh Bùi Thế T dựng xe tại nơi làm việc không rút chìa khóa điện ở ổ khóa, bị cáo Đào Văn D đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 20G1-003.34 của anh T có giá trị 9.000.000 đồng, mang ra ngoài mở khóa điện ngồi lên xe nổ máy đều khiển đi đến nhà Ngô Bá Q để nhờ bán hộ. Hành vi đó của Đào Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội, do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

…

2. …"

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải và có bố đẻ được Nhà Nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những căn cứ nêu trên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần có một mức án phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo gây ra và cần áp dụng biện pháp cải tạo cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử thấy, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc BKS: 20G1-003.34 do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp mà có, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại quản lý sử dụng. Tại phiên toà sơ thẩm người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị O và anh S về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền 8.300.000đ hiện đang thu giữ trong vụ án vì anh, chị đã mua xe do không biết là tài sản do phạm tội mà có. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị O và anh S là có căn cứ nên cần được chấp nhận và xử lý trong phần vật chứng.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Đối với số tiền 8.300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Q, L và T tự giác giao nộp tại Cơ quan điều tra nhằm mục đích trả lại cho chị O và anh S. Tại phiên toà sơ thẩm, chị O và anh S có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh, chị khoản tiền trên để hai vợ chồng khắc phục thiệt hại đã mua xe vì không biết là tài sản do phạm tội mà có, do đó Hội đồng xét xử cần tuyên trả cho chị O và anh S để khắc phục hậu quả.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 46 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt

Đào Văn D **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành bản án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Trả lại cho Người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị Kim O và anh Nguyễn Văn S (Đều có nơi cư trú tại: Xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) số tiền **8.300.000 đ** (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) để quản lý, sử dụng.

(Theo ủy nhiệm chi ngày 228 ngày 25-10-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Kho bạc nhà nước huyện Phú Bình).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đào Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Đào Văn D), Bị hại (anh Bùi Thế T); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (là chị Nguyễn Thị Kim O và anh Nguyễn Văn S), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là anh Ngô Văn L, anh Kiều Xuân L, anh Nguyễn Xuân T, anh Ngô Bá Q), báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các bị cáo;Người có QL,NVLQ
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ích Yên